

- move (i) migrate, relocate: chuyển, rời
  - better (adj) tốt hơn
  - abroad = overseas (adv) người nước, hải ngoại
- 
- 

3) Ở một số nơi thế giới, bạn không thể hút thuốc ở bất cứ đâu cả.

- place (c) nơi
  - smoke (i) hút thuốc
  - anywhere (adv) bất cứ đâu
- 
- 

### 3. Trạng từ chỉ tần suất

- Trạng từ chỉ tần suất là những từ cho biết mức độ thường xuyên xảy ra của sự việc.

Ex: *always* (luôn luôn), *never*, *usually/often* (thông thường), *sometimes/occasionally* (thỉnh thoảng), *seldom/rarely* (hiếm khi), *hardly ever* (hầu như không bao giờ), *constantly/continuously* (liên tục, lúc nào cũng), *once a week* (một lần một tuần), *twice a week* (hai lần một tuần), *every day/daily*...

- He **usually** took part in outdoor activities when he was a child.  
(Anh ấy thường tham gia vào các hoạt động ngoài trời khi là một đứa trẻ)
- I **hardly ever** argue with my father. (Tôi hầu như không bao giờ cãi nhau với cha tôi)
- Fast food is **always** not healthy. (Thức ăn nhanh luôn không tốt cho sức khỏe)
- I **usually** do exercise **twice a week**. (Tôi thường tập thể dục hai lần một tuần)

#### Bài tập

Sử dụng từ vựng được cho sẵn hãy viết hoàn chỉnh những câu dưới đây

1) Anh ấy luôn giúp đỡ tôi khi tôi gặp khó khăn.

- have difficulty: gặp khó khăn
-

---

2) Anh ấy luôn là bạn tốt của tôi.

---

---

3) Tôi thường đọc tin tức về dịch bệnh covid-19 hằng ngày trước khi tôi đi ngủ.

- news (on/about) (u) tin tức

- the covid-19 epidemic (n) dịch covid-19

---

---

4) Người trẻ nên tập thể dục hai lần một tuần trong thời gian rảnh.

- youngster (c) người trẻ

- do exercise: tập thể dục

---

---

5) Chúng tôi hiếm khi có cơ hội gặp nhau vào những ngày trong tuần.

- have a chance (or an opportunity) to

- each other= one another

do sth: có cơ hội làm gì đó

- weekday (c) ngày trong tuần

---

---

#### 4. Trạng từ chỉ cách thức

- Trạng từ chỉ cách thức là những từ cho biết sự việc xảy ra hoặc được thực hiện như thế nào

- Trạng từ chỉ cách thức dùng để bổ nghĩa cho động từ thường và thường đứng cuối câu, hoặc đôi khi đứng trước động từ thường đó.

- Trạng từ chỉ cách thức thường được thành lập bằng cách thêm đuôi "ly" vào tính từ.

Ex: *exactly* (một cách chính xác), *happily*, *politely* (một cách lịch sự), *slowly*, *quickly*, *badly*, *smartly*, *heavily*, *carefully*, *flexibly* (một cách linh hoạt), *thoroughly* (một cách tỉ mỉ), *hard* (một cách chăm chỉ), *early* (sớm), *late* (trễ), *fast* (nhanh), *well*,.....